TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 76/2026/HS-ST

Ngày: 17 - 3 - 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

2. Bà Huỳnh Anh Thư.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Minh Trường, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 17 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2026/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Hứa Văn T, sinh ngày 10/10/1989, tại Lạng Sơn; CCCD số: 020089009732; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Văn T1, sinh năm 1967 và bà Nông Thị Đ, sinh năm 1966; có vợ tên Đoàn Thị Minh A, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị Tòa án Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 (Ba) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo Bản án phúc thẩm số 332/2012/HSPT ngày 27/9/2012. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Bình Dương, Công an Thành phố H. Có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Luân Văn C, sinh năm 2000; Nơi cư trú: xã N, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1996; Nơi cư trú: xã N, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

3. Ông Ngô Văn T2, sinh năm 1991; Nơi cư trú: xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Sỹ T3, sinh năm 1987; Nơi cư trú: khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Ông Trịnh Minh D, sinh năm 1997; Nơi cư trú: khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hứa Văn T là bạn bè quen biết với Lâm Văn C1, Hoàng Văn N và Ngô Văn T2 từ năm 2019 do cùng tạm trú tại ấp A, xã Hội Nghĩa, thị xã T (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 08/12/2019, Lâm Văn C1 đang ở phòng trọ tại ấp A, xã Hội Nghĩa, thị xã T (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) thì Hứa Văn T đến phòng trọ gặp C1 để hỏi mượn xe mô tô biển số 48H1-151.62, nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen đi công việc và hứa đến 22 giờ 00 phút cùng ngày sẽ đem xe về trả cho C1. Do quen biết nhau vì sinh sống cùng xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng) nên C1 tin tưởng đồng ý cho T mượn xe mô tô biển số 48H1-151.62, đồng thời đưa cho T 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 48H1-151.62 (bản phô tô). Sau khi nhận được xe thì T điều khiển xe đi công việc sau đó nảy sinh ý định đem xe đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định, T điều khiển xe đi đến một tiệm cầm đồ (không nhớ rõ địa chỉ) trên đường từ Hội N đến khu vực C thuộc phường B, Thành phố Hồ Chí Minh để cầm xe mô tô biển số 48H1-151.62 với giá 16.000.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, C1 không thấy T đem xe về trả theo đúng hẹn nên gọi điện thoại cho T nhưng T không nghe máy. Đến sáng ngày 09/12/2019, C1 tiếp tục gọi điện thoại cho T để đòi xe thì T nghe điện thoại rồi kêu C1 ra cổng nhà trọ nơi Cuối sinh sống để nói chuyện, khi C1 ra gặp T thì T nói do thiếu tiền đã cầm xe rồi, để mai T lấy xe ra cho. Nghe T nói vậy thì C1 đồng ý và đi về. Đến ngày 10/12/2019, C1 gọi điện thoại cho T để yêu cầu trả xe nhưng T lại hứa hẹn ngày này qua ngày khác vẫn không đem xe về trả cho C1. Sau nhiều lần yêu cầu T chuộc xe về trả cho C1 nhưng T không thực hiện, đồng thời phát hiện T không còn sinh sống ở Hội Nghĩa nên đến ngày 09/3/2020, C1 đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Do T không nhớ được địa điểm cầm xe mô tô biển số 48H1-151.62 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được xe mô tô trên.

Ngày 06/01/2020, khi đó T đang ở phòng trọ 6A của nhà trọ Đoàn Thị L thuộc khu phố B, phường H thì T hỏi mượn xe mô tô 61G1-593.86 nhãn hiệu Yamaha Exciter của Hoàng Văn N ở phòng trọ số 7 cùng nhà trọ để đi B mượn tiền trả nợ và được N đồng ý, khi mượn xe thì T có mượn thêm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 61G1-593.86 do đi đường sợ Công an kiểm tra. Sau khi mượn xe, T điều khiển xe mô tô biển số 61G1-593.86 đi về hướng M, B nhưng không mượn được

tiền nên T thuê nhà nghỉ ngủ lại B 01 đêm. Đến khoảng 15 giờ 00 ngày 07/01/2020, T điều khiển xe về lại Hội Nghĩa, do không có tiền trả nợ nên T nảy sinh ý định đem xe mô tô biển số 61G1-593.86 của N đi cầm để lấy tiền trả nợ. Thực hiện ý định, T điều khiển xe mô tô biển số 61G1-593.86 đến tiệm C2 thuộc khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) của ông Lê Sỹ T3 làm chủ cầm xe mô tô biển số 61G1-593.86 luôn giấy tờ với giá 22.000.000 đồng, số tiền cầm xe thì Thuần trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 08/01/2020, T báo cho N biết về việc cầm xe mô tô 61G1-593.86 và hứa sẽ chuộc xe ra trả cho N nhưng T không thực hiện. Đến ngày 13/02/2020, T bỏ đi khỏi nhà trọ Đoàn Thị L1 và chuyển đến sinh sống tại phường P, thành phố T. Do nhiều lần yêu cầu T chuộc xe trả cho mình nhưng không được nên ngày 16/02/2020 N đến Công an phường H (nay là phường B) trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận tố giác, Công an phường H (nay là phường B) đã đến tiệm cầm đồ Quang V thu giữ xe mô tô biển số 61G1-593.86 và giấy đăng ký xe mô tô biển số 61G1-593.86 do ông Lê Sỹ T3 giao nộp.

Ngày 10/02/2020, do không có tiền tiêu xài và trả nợ nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô mang đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ. Thực hiện ý định đó, ngày 10/02/2020 T đến gặp Ngô Văn T2 là bạn quen biết cùng quê với T tại nhà trọ gần chợ H1 thuộc khu phố A, phường H để hỏi mượn xe, khi mượn xe thì T đưa ra thông tin gian dối là "Cho anh mượn xe đi Bệnh viện 512 giường thăm bạn", nghe T nói vậy thì T2 tin là thật và đồng ý cho T mượn xe mô tô 48D1-280.93 nhãn hiệu Yamaha Sirius của T2, lúc này T2 cũng nói trong cốp xe có giấy tờ xe mô tô 48D1-280.93. Sau khi nhận được xe thì sáng ngày 11/02/2020, T điều khiển xe mô tô 48D1-280.93 đến tiệm C3 gặp ông Trịnh Minh D làm chủ để cầm xe mô tô 48D1-280.93 cùng giấy tờ xe với giá 9.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T đem tiền đi trả nợ và tiêu xài cá nhân, những ngày sau đó T2 gọi điện thoại yêu cầu T trả xe nhưng T nói dối là bận công việc chưa đem xe về trả được. Sau đó, T nói với T2 là đã đem xe của T2 đi cầm lấy tiền trả nợ và hứa sẽ chuộc xe ra cho T2 nhưng T không thực hiện. Đến ngày 13/02/2020, T bỏ đi khỏi nhà trọ Đoàn Thị L và chuyển đến sinh sống tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do nhiều lần yêu cầu T chuộc xe ra trả không được nên ngày 17/02/2020 T2 đến Công an phường H trình báo. Sau đó, T2 thông tin cho T2 biết là xe đang cầm ở tiệm cầm đồ Trịnh D nên đến ngày 28/3/2020 T2 đến tiệm cầm đồ Trịnh D lấy xe mô tô biển số 48D1-280.93 về.

Tại Cáo trạng số: 96/CT-VKSKV17 ngày 19/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Hứa Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 và điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh, trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố bị cáo Hứa Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hứa Văn T từ 08 (T4) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 02 (Hai) năm 08 (T4) tháng đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường giá trị tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại và bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Hứa Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên; tại phần nói lời sau cùng bị cáo thể hiện thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Hứa Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 08/12/2019, tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) Hứa Văn T sau khi mượn được xe mô tô 48H1-151.62 của Lâm Văn C1 giá trị là 30.500.000 đồng đã đem xe đi cầm lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Ngày 07/01/2020, Hứa Văn T sau khi mượn được xe mô tô biển số 61G1-593.86 của Hoàng Văn N giá trị là 28.570.000 đồng đã mang xe đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản bị cáo Hứa Văn T chiếm đoạt của bị hại Lâm Văn C1 và Hoàng Văn N là 52.500.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 10/02/2020, tại khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) Hứa Văn T đưa ra thông tin gian dối là mượn xe đi đến Bệnh Viện 512 thăm bạn mục đích mượn xe mô tô biển số 48D1-280.93 của Ngô Văn T2 giá trị là 17.750.000 đồng để mang đi cầm lấy tiền tiêu xài. Do đó, hành vi của bị cáo Hứa Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý bởi lẽ về nhận thức, bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản người khác trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

Bị cáo thực hiện 02 hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của 02 bi hại, trong thời hạn này bị cáo thay đổi nơi cư trú và tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại khác. Do đó, hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bị cáo thể hiện thái độ coi thường pháp luật nên có tính chất nguy hiểm hơn.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hứa Văn T thực hiện phạm tội hai lần đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải và bồi thường khắc phục thiệt hại cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, bị Tòa án Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 (Ba) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo Bản án phúc thẩm số 332/2012/HSPT ngày 27/9/2012 nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[8] Hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình tố tụng, bị cáo đã bồi thường khắc phục thiệt hại cho bị hại, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Hứa Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hứa Văn T 01 (Một) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 02 (H) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2025.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hứa Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- CQCSĐT Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- PV06 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tung khác;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cảnh Khang